

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 25/01/2019

“V/v: Yêu cầu chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trịnh Thị Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Sỹ Quyền
Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST – DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về “*Yêu cầu chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 06/2018/QĐXX-ST ngày 12/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐ-ST ngày 27/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐ-ST ngày 26/12/2018 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình C – Sinh năm 1969 (có mặt)

Trú tại: Đội 3 thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình H - Sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: Đội 3 thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị L - Sinh năm 1961 (có mặt)

Trú tại: Đội 3, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Lê Đình D - Sinh năm 1966 (vắng mặt)

Trú tại: Đội 3 thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Lê Đình M - Sinh năm 1973 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Lê Đình T - Sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Đội 3 thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Hải V, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6./2018 và bản tự khai ông Lê Đình C trình bày: Bố mẹ ông là cụ Lê Đình T và cụ Nguyễn Thị L. Có 01 diện tích đất tại Đội 3, thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích đất là 1.289 m² (Trong đó có 200m² đất ở và 1089 m² đất vườn) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Đình T thửa đất số 31 tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa lập năm 1993 đến năm 2002 chỉnh lý thành thửa 170 tờ bản đồ 06 diện tích đất trên. Hiện nay ông Lê Đình H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Lê Đình T mất năm 1998, bà Nguyễn Thị L mất năm 2012, ông T và bà L không để lại di chúc. Đến tháng 11/2012 ông C cùng 5 anh chị em họp gia đình và thống nhất với nhau bằng miệng không có biên bản họp về việc chia tài sản của bố mẹ để lại là 1.298m² đất cho đều cả 06 anh chị em, sau khi thống nhất thì bà Lê Thị L, ông Lê Đình D, ông Lê Đình M cho lại phần của mình cho ông Lê Đình H và ông Lê Đình T sử dụng. Sau đó ông Lê Đình H đo chia cho ông lấy 1/6 diện tích đất của bố mẹ để lại (Vì chính xác ông được bao nhiêu mét ông cũng không biết) ông đã đóng cọc phần đất của ông. Đến năm 2015 ông đến để canh tác trên phần đất của ông mà bố mẹ để lại thì ông H không cho ông canh tác, vì không thể hòa giải được nên ông đã làm đơn đề nghị lên thôn và UBND xã Q, UBND xã hòa giải để giải quyết thì ông H, ông T, bà L, ông M, ông D đều không đến hòa giải. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 ông Lê Đình H trình bày:

Theo ông Lê Đình H trình bày: Bố ông là cụ Lê Đình T, sinh năm 1931 và cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1936, cụ T và cụ L sinh được 06 người con gồm: Lê Thị L, Lê Đình H, Lê Đình D, Lê Đình C, Lê Đình T, ông bà không có con riêng, cụ T và cụ L ở riêng trên ngôi nhà kè. Đến năm 1998 ông Lê Đình T chết và đến năm 2012 bà Nguyễn Thị L chết, cụ T và cụ L chết không để lại di chúc. Bố mẹ ông có để lại di sản là đất ở diện tích là 1.028m² tại thửa 31 tờ bản đồ số 6 và 01 ngôi nhà kè 03 gian nằm trên đất tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, đến năm 1998 ông có xây nhà tại khu đất của bố mẹ cho ông bên cạnh nhà của bố mẹ và cả ông T cũng làm nhà bên cạnh nhà của bố mẹ ông. Đến năm 2007 cụ L đồng ý cho T phá nhà kè 03 gian của bà và sau đó ông và T đã xây dựng nhà mới từ đó cho đến nay. Năm 2008 mẹ ông tuổi cao sức yếu, ngày 09/8/2008 cụ có nhờ chú V ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa viết giấy chuyển nhượng đất nhưng nội dung lại là tặng cho ông và T (em trai ông) nhưng bà không ký, không điểm chỉ, không có người làm chứng và cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương, cho ông và T diện tích 705m² đất ở của cụ tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 địa chỉ thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2016 ông Lê Đình C gửi đơn đến UBND xã Q đòi chia thừa kế của bố mẹ để lại. Sau đó UBND xã hòa giải và giao lại cho anh em tự thỏa thuận, nhưng kết quả không thành vì ông C không tham gia họp gia đình.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Bố bà là Lê Đình T sinh năm 1931 mẹ là cụ Nguyễn Thị L sinh năm 1936, bố mẹ bà sinh được 6 người con gồm: Lê Thị L, sinh năm 1961, Lê Đình H, sinh năm 1964, Lê Đình D, sinh năm 1966, Lê Đình C, sinh năm 1969, Lê Đình M, sinh năm 1972, Lê Đình T, sinh năm 1975. Đến năm 1998 bố bà mất, đến

năm 2012 mẹ bà mất có để lại diện tích đất là 1.028m² và 01 ngôi nhà kè nằm trên đất khi bố mẹ bà còn sống bố mẹ bà cho em trai là Lê Đình H làm nhà bên cạnh ngôi nhà kè của ông bà, sau khi bố bà mất đi mẹ bà đồng ý cho Lê Đình T phá ngôi nhà kè xây nhà mới khi bà mất đi H và T làm nhà kiên cố nhưng chưa được mẹ bà sang tên. Từ đó đến nay trong gia đình bà không có vấn đề gì thắc mắc cả, nhưng nay ông C yêu cầu chia di sản của cụ T và cụ L để lại. Khi mẹ bà còn sống có nhờ ông V (là chú họ) việc cho đất viết văn bản chuyển nhượng ngày 09/8/2008 cho 2 em là H và T diện tích đất 705m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 nhưng chưa thực hiện thủ tục sang tên. Quan điểm của bà đồng ý cho 2 em H và T được hưởng số đất mẹ bà để lại là 705m².

Tại bản tự khai ngày 05/7/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình D trình bày: Bố ông là Lê Đình T sinh năm 1931 mẹ là ông Nguyễn Thị L sinh năm 1936, bố mẹ bà sinh được 6 người con gồm: Lê Thị L, sinh năm 1961, Lê Đình H, sinh năm 1964, Lê Đình D, sinh năm 1966, Lê Đình C, sinh năm 1969, Lê đình M, sinh năm 1972, Lê Đình T, sinh năm 1975. Đến năm 1998 bố ông mất, đến năm 2012 mẹ ông mất có để lại diện tích đất là 1.028m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 và 01 ngôi nhà kè nằm trên đất khi bố mẹ ông còn sống bố mẹ ông cho anh trai là Lê Đình H làm nhà bên cạnh ngôi nhà kè của ông bà, sau khi bố ông mất đi mẹ ông đồng ý cho Lê Đình T phá ngôi nhà kè xây nhà mới khi bà mất đi H và T làm nhà kiên cố nhưng chưa được mẹ bà sang tên. Từ đó đến nay trong gia đình bà không có vấn đề gì thắc mắc cả, nhưng nay chú C yêu cầu chia đất của bố mẹ bà để lại. Khi mẹ tôi còn sống có nhờ chú V (chú họ) viết giấy chuyển nhượng đất ngày 09/8/2002 của bà cho 2 em là H và T diện tích đất 705m² tại thửa đất 32 tờ bản đồ số 06 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Quan điểm theo nguyện vọng của mẹ ông là giao cho 2 em H và T được hưởng số đất mẹ ông để lại là 705m².

Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình M trình bày: Bố ông là cụ Lê Đình T sinh năm 1931 mẹ là cụ Nguyễn Thị L sinh năm 1936, bố mẹ bà sinh được 6 người con gồm: Lê Thị L, sinh năm 1961, Lê Đình H, sinh năm 1964, Lê Đình D, sinh năm 1966, Lê Đình C, sinh năm 1969, Lê đình M, sinh năm 1972, Lê Đình T, sinh năm 1975 ngoài anh chị em ruột trên thì ông bà không có con riêng. Đến năm 1998 bố bà mất, đến năm 2012 mẹ mất có để lại diện tích đất là 1.028m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 ở thôn N, xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Đình T cấp năm 1993, trước khi cụ T và cụ L chết không lập lại di chúc mà để lại di sản bố mẹ ông là diện tích đất là 1.028m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 mảnh đất trên ngoài ra hai cụ không có tài sản nào khác. Hiện nay ông Lê Đình H và Lê Đình T đã làm nhà trên mảnh đất của bố mẹ ông và bố mẹ ông cũng chưa sang tên cho ai cả. Quan điểm ông đề nghị chia di sản bố mẹ ông để lại chia theo pháp luật và ông được lấy đất, được bao nhiêu ông lấy bấy nhiêu.

Tại bản tự khai ngày 05/7/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T trình bày: Bố ông là Lê Đình T sinh năm 1931 mẹ là ông là Nguyễn Thị L sinh năm 1936, bố mẹ ông sinh được 06 người con gồm: Lê Thị L, sinh năm 1961, Lê Đình H, sinh năm 1964, Lê Đình D, sinh năm 1966, Lê Đình C, sinh năm 1969, Lê Đình M, sinh năm 1972, Lê Đình T, sinh năm 1975. Lớn lên thì ông đi bộ đội đến năm 1996 ông xuất ngũ trở về địa phương ở cùng với bố mẹ ông trong ngôi

nhà kè 04 gian, lúc đó ông H đã xây nhà kiên cố trên mảnh đất của bố mẹ. Đến năm 1998 bố ông mất còn mẹ ở trên ngôi nhà kè, đến năm 2007 mẹ ông cho phá bỏ ngôi nhà kè để xây nhà mới. Lúc mẹ ông còn sống ý nguyện của cụ là để mảnh đất lại cho ông H và ông ở và sử dụng và có nhờ chú V (chú họ) viết giấy chuyển nhượng đất nhưng nội dung lại là tặng cho ông và ông H nhưng cụ không ký, không điểm chỉ, không có người làm chứng và cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương cho 2 em là ông H và ông diện tích đất 705m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông và ông H. Đến năm 2012 thì mẹ ông mất. Từ khi bố mẹ ông còn sống cho đến khi bố mẹ mất không ai có ý kiến gì về việc chia di sản thừa kế đến nay ông C lại đòi chia đất của bố mẹ để lại, đất chung của cả gia đình chứ không phải đất của ông C vì lúc bố mẹ ông còn sống bố mẹ ông cũng đã lo đất ở cho ông C rồi. Vì vậy quan điểm của ông là đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của mẹ ông là cho ông và ông H được sử dụng toàn bộ diện tích đất 705m² thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 và ông không đồng ý chia cho ai cả.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2018 Người làm chứng ông Lê Hải V trình bày:
Ngày 09/8/2008 bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1936, vì tuổi cao sức yếu nên bà có nhờ ông viết giấy xin chuyển nhượng đất nên ông đã viết hộ bà. Gia đình nhà bà gồm có 06 người con Lê Thị L, Lê Đình H, Lê Đình D, Lê Đình C, Lê đình M, Lê Đình T. Bà có diện tích đất 705m², ông T bà L đã lo được 04 cháu ở riêng đó là cháu D, cháu C, cháu M còn cháu L con gái đã đi lấy chồng và ở riêng, còn lại 02 cháu đó là cháu H và cháu T, nay bà tuổi cao sức yếu bà không đảm đương được việc gia đình nên bà nhờ ông viết giấy chuyển nhượng đất để giao lại cho 02 cháu H và T với số đất 705m² đó là phần đất của bà thửa đất số 31, tờ bản đồ số 06 diện tích là 705m² bà chia cho từng cháu như sau: Chia cho vợ chồng cháu H; Phía Tây Đông giáp nhà chị X, phía Bắc giáp nhà cụ T, phía Đông giáp nghĩa địa, phía Nam giáp nhà cháu T. Chia cho vợ chồng cháu T: Phía Đông giáp nhà ông H, phía Tây giáp nhà ông T, phía Bắc giáp nhà ông T, phía Nam giáp nhà ông S. Ông viết giấy hộ bà L là giấy xin chuyển nhượng đất với nội dung tôi đã trình bày như trên, cuối giấy ông viết người làm đơn Nguyễn Thị L bà L có viết chữ ký ông viết Nguyễn Thị L xuống dưới ngoài ra cũng không có ai ký và viết trên tờ giấy đó, mà cũng không có chính quyền địa phương xác nhận.

+ Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 16 /10/2018 xác định: Diện tích đất thực tế tại thửa đất số 170 tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính chính lý năm 2002 diện tích 1.289m² (Trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 1.089m²).

Hiện trạng thửa đất:

Tổng diện tích 1.417,8m² (đo thực tế) tăng so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 338,8m².

Lý do tăng: Theo báo cáo của chính quyền địa phương đất có nguồn gốc sử dụng trước năm 1993. Đến năm 2002 khi nhà nước có chủ trương dồn điền đổi thửa thì số diện tích được đo theo hiện trạng sử dụng đất là 1.289m² trong đó có 261m² đất khai hoang từ đất nghĩa địa liền kề, số diện tích 261m² đã có trong bản đồ năm 2002 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo diện tích đo thực tế hiện trạng là 1.417,8m², chênh lệch so với giấy CNQSDĐ năm 1993 và bản đồ chính lý năm 2002 là 128,8m² là đất gia đình khai hoang từ đất

nghĩa địa liền kề (số diện tích khai hoang trên là do gia đình ông H tự khai hoang mở rộng thuộc đất công do UBND xã quản lý). Đến năm 2007 bà Nguyễn Thị L là mẹ ông Lê Đình T đã tách một phần thửa đất phía Nam giáp với đường xóm cho ông Lê Đình T với diện tích 329,8m²; giáp hộ ông Lê Đình H đang ở hiện tại có diện tích là 698,2m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho ông H và ông T mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1993 vẫn mang tên cụ Lê Đình T.

* Nhà ông Lê Đình H:

01 Nhà mái bằng xây năm 1998, diện tích $9,5 \times 6 = 57\text{m}^2$; bán bình lợp tôn $(9,5 \times 4,8) + (6,5 \times 3,7) = 103,85\text{m}^2$ đã hết hạn sử dụng; Nhà bếp: diện tích $4,4 \times 4,8 = 21,12\text{m}^2$; Nhà tắm: diện tích $2 \times 3 = 6\text{m}^2$; Chuồng trại 1 gạch côm: diện tích $2,5 \times 11,6 = 29\text{m}^2$; Chuồng trại 2: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Chuồng trại 3: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Sân láng xi măng đã hết giá trị sử dụng.

* Nhà ông Lê Đình T: Nhà mái bằng xây gạch côm: diện tích $8,6 \times 4,5 = 38,7\text{m}^2$; Nhà gạch chỉ: diện tích $13,6 \times 4,5 = 61,2\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2012 diện tích $(8,8 \times 13,6) \times 1,7 = 37,74\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2014 diện tích $6 \times 7,8 = 46,8\text{m}^2$; Bể nước: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 2 \times 0,15 \times 2 = 4,08\text{m}^3$; Bể nước nhỏ: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 0,15 \times 1,2 = 1,58\text{m}^3$. Tường rào chung giữa hai nhà ông Hùng và nhà ông Tiến: diện tích $(20,5 \times 1,3) + (7,8 \times 1,3) + (1,2 \times 27,5) + (1,05 \times 1,3) = 80,69\text{m}^2$. Bán bình lợp tôn nhà ông Hùng xây năm 2014 diện tích $3,7 \times 3,7 = 13,69\text{m}^2$.

- Những nội dung các đương sự thống nhất được: Ông C, ông H, bà L, ông D, ông M, ông T đều thống nhất cụ Lê Đình T chết năm 1931, cụ Nguyễn Thị L chết năm 1936. Hai cụ sinh được 06 người con là Lê Thị L, Lê Đình H, Lê Đình D, Lê Đình C, Lê Đình M, Lê Đình T. Cụ T và cụ L tạo lập được khối tài sản chung diện tích tại thửa 31 tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa lập năm 1993 đến năm 2000 chỉnh lý thành thửa 170 tờ bản đồ số 06. Hiện nay ông H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản nhà ông H gồm: 01 Nhà mái bằng xây năm 1998, diện tích $9,5 \times 6 = 57\text{m}^2$; bán bình lợp tôn $(9,5 \times 4,8) + (6,5 \times 3,7) = 103,85\text{m}^2$ đã hết hạn sử dụng; Nhà bếp: diện tích $4,4 \times 4,8 = 21,12\text{m}^2$; Nhà tắm: diện tích $2 \times 3 = 6\text{m}^2$; Chuồng trại 1 gạch côm: diện tích $2,5 \times 11,6 = 29\text{m}^2$; Chuồng trại 2: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Chuồng trại 3: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Sân láng xi măng đã hết giá trị sử dụng.

* Nhà ông Lê Đình T gồm: Nhà mái bằng xây gạch côm: diện tích $8,6 \times 4,5 = 38,7\text{m}^2$; Nhà gạch chỉ: diện tích $13,6 \times 4,5 = 61,2\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2012 diện tích $(8,8 \times 13,6) \times 1,7 = 37,74\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2014 diện tích $6 \times 7,8 = 46,8\text{m}^2$; Bể nước: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 2 \times 0,15 \times 2 = 4,08\text{m}^3$; Bể nước nhỏ: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 0,15 \times 1,2 = 1,58\text{m}^3$. Tường rào chung giữa hai nhà ông H và nhà ông T: diện tích $(20,5 \times 1,3) + (7,8 \times 1,3) + (1,2 \times 27,5) + (1,05 \times 1,3) = 80,69\text{m}^2$. Bán bình lợp tôn nhà ông H xây năm 2014 diện tích $3,7 \times 3,7 = 13,69\text{m}^2$. Giá trị đất và nhà theo giá Hội đồng định giá và phù hợp với giá thị trường hiện nay cụ thể đất ở là 250.000đ/1m², đất vườn 27.000đ/1m².

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông C không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; các Điều 157,165,229,271,273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 610,611,612,613,614,618,623,649,650,651,660 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê đình C đề nghị, cụ thể: Di sản thừa kế diện tích đất 1.028m² tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 có tổng trị giá 72.356.000 đồng cho các ông Lê Đình H, Lê Đình C, Lê Đình M, Lê Đình T tương ứng với mỗi người được hưởng: Bà L, ông D được hưởng giá trị QSDĐ bằng tiền.

Về án phí : Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng :

[1] Về tố tụng và luật nội dung áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản. Đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật nội dung: Áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết.

Cụ Lê Đình T chết ngày 23/12/1998 và cụ Nguyễn Thị L chết ngày 23/11/2012. Ngày 10/6/2018 ông Lê Đình C khởi kiện yêu cầu chia di sản của hai cụ để lại là diện tích thửa đất 31 tờ bản đồ số 06. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Vì vậy thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

[2] Xem xét diện, hàng những người được hưởng thừa kế: Cụ T và cụ L chết không để lại di chúc và các cụ có 06 người con: Bà Lê Thị L, ông Lê Đình H, ông Lê Đình D, ông Lê Đình C, ông Lê Đình M, ông Lê Đình T những người này đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[3] Về nội dung :

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L đều thống nhất: Cụ Lê Đình T và cụ Nguyễn thị L đã tạo lập được diện tích đất tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất 170 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.028m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm là 828 m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 mang tên cụ Lê Đình T. Diện tích đất thực tế tại thửa đất số 170 tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính chính lý năm 2002 nhà nước có chủ trương dồn điền đổi thửa thì số diện tích được đo theo hiện trạng sử dụng đất là 1.289m² (Trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 828m² và 261m² đất khai hoang từ đất nghĩa địa liền kề). Số diện tích đất này có trong bản đồ năm 2002 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo diện tích đo thực

tế hiện trạng là 1.417,8m², chênh lệch so với giấy CNQSDĐ năm 1993 và bản đồ chỉnh lý năm 2002 là 128,8m² là đất gia đình khai hoang từ đất nghĩa địa liền kề (số diện tích khai hoang trên là do gia đình ông H tự khai hoang mở rộng thuộc đất công do UBND xã quản lý). Trước khi cụ Thoan và cụ L chết không để lại di chúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Đình H có xuất trình chứng cứ đầu đề của giấy là giấy chuyển nhượng đất. Vì tuổi cao sức yếu nên ngày 09/8/2008 cụ nhờ ông Lê Hải V ở thôn Trà 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa viết đề cho ông và ông T đất, diện tích là 705m² thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 nhưng trong giấy viết lại thể hiện nội dung cụ L tặng cho mà cuối giấy cụ không ký tên, không điểm chỉ, không có người làm chứng và cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương, cũng không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên cụ Lê Đình T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có giải thích cho ông về yêu cầu phản tố về việc ông đã được mẹ là cụ Nguyễn Thị L tặng cho quyền sử dụng đất theo giấy chuyển nhượng đất ngày 09/8/2008 mà ông cung cấp cho Tòa án nhưng ông đã có đề nghị không yêu cầu phản tố đối với giấy chuyển nhượng đất mà ông đã cung cấp cho Tòa án và ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình C. không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông Lê Đình H về việc yêu cầu Tòa án xem xét về giấy chuyển nhượng đất mà cụ L mẹ ông cho ông và ông T.

[4] Về nguồn gốc đất diện tích đất: Diện tích đất 1.028m² được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đình T năm 1993.

Cụ Lê Đình T và cụ Nguyễn Thị L sinh được 06 người con là bà Lê Thị L, ông Lê Đình H, ông Lê Đình D, ông Lê Đình C, ông Lê Đình M, ông Lê Đình T. Cụ T và cụ L chết không để lại di chúc. Di sản của cụ T và cụ L để lại theo biên bản đo đạc thẩm định ngày 16/10/2018 diện tích đất tại thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 diện tích 1.028m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm là 828m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 mang tên cụ Lê Đình T; Thửa đất 170 tờ bản đồ số 06 bản đồ chỉnh lý năm 2002 diện tích 1.289 trong đó đất ở 200m² đất trồng cây lâu năm 1.089m². Hiện trạng đo 1.417,8m² tăng so với bản đồ địa chính năm 2002. Công trình trên thửa đất 170 (phía Tây) là do gia đình ông H xây dựng, công trình (phía Đông) là do ông T xây dựng. Trị giá đất theo giá trị trường hiện nay phù hợp với kết quả định giá ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá huyện Quảng Xương. Cụ thể trị giá 200m² đất ở x 250.000 đồng = 50.000.000 đồng. Đất trồng cây lâu năm là 828m² x 27.000 = 22.356.000 đồng. Tổng trị giá di sản của cụ T và cụ L để lại là 72.356.000 đồng, chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất cho ông C, ông H, ông T, ông M, ông D, bà L; thửa đất 31 theo tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính năm 1993 ông H và ông T đang sử dụng. Xét thấy những nội dung các đương sự trình bày trên là phù hợp và có căn cứ nên cần chấp nhận.

+ Xét yêu cầu thừa kế:

- Nguyên đơn ông Lê Đình C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

- Bị đơn ông Lê Đình H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình D, ông Lê Đình T, bà Lê Thị L không yêu cầu chia thừa kế.

+ Xác định di sản thừa kế:

Diện tích 1.028m² thửa đất 31 tờ bản đồ số 06, trong đó 200m² đất ở và 828m² đất vườn.

Vị Trí thửa đất:

- Phía Đông giáp nghĩa địa.
- Phía Tây giáp đường liên thôn.
- Phía Nam giáp đường liên thôn.
- Phía Bắc giáp nghĩa địa.

[5] Về chia di sản thừa kế: Hiện nay ông Lê Đình H và ông Lê Đình T đang ở trên diện tích đất 1.028m² thửa đất 31 tờ bản đồ số 06 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông D, bà L, ông C, ông M đã có nhà ở riêng nhưng nay ông C yêu cầu chia di sản thừa kế cho ông theo pháp luật. Di sản của cụ T và cụ L để lại là thửa đất có diện tích 1.028m² trong đó đất ở 200m² đất vườn là 828m² trị giá 72.356.000 đồng. Di sản được chia đều cho 06 người con, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 171,3m² trị giá 12.059.333 đồng. Chia cho ông H, ông C, ông M, ông T bằng hiện vật còn bà L, ông D chia bằng tiền trị giá được hưởng thừa kế.

Cụ thể:

Ông C được quyền sử dụng 80m² đất, trong đó 50m² đất ở và 30m² đất vườn, dài 17,7m, rộng 4,5m trị giá 13.310.000 đồng. Phía Đông giáp nghĩa địa, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp giáp nhà ông H, phía Bắc giáp nghĩa địa.

Ông H được quyền sử dụng 390,9m² đất, trong đó 50m² đất ở và 340,9m² đất vườn, dài 31,5 rộng 11,5m + dài 17,77 rộng 4,5m trị giá 21.704.300 đồng. Phía Đông giáp nghĩa địa, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp giáp nhà ông M, phía Bắc giáp nhà ông C. Và tạm giao 389,8m² thửa đất 170 tờ bản đồ số 06 đất khai hoang từ đất nghĩa địa liền kề cho ông Lê Đình H quản lý.

Ông H được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 Nhà mái bằng xây năm 1998, diện tích $9,5 \times 6 = 57\text{m}^2$; bán bình lợp tôn $(9,5 \times 4,8) + (6,5 \times 3,7) = 103,85\text{m}^2$ đã hết hạn sử dụng; Nhà bếp: diện tích $4,4 \times 4,8 = 21,12\text{m}^2$; Nhà tắm: diện tích $2 \times 3 = 6\text{m}^2$; Chuồng trại 1 gạch côm: diện tích $2,5 \times 11,6 = 29\text{m}^2$; Chuồng trại 2: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Chuồng trại 3: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Sân lát xi măng.

Ông T được quyền sử dụng 329,8m² đất, trong đó 50m² đất ở và 279,8m² đất vườn, dài 24,2m, một mặt dài 24,9m, rộng một mặt 12,6m, 01 mặt 14,3m trị giá 20.054.600 đồng. Phía Đông giáp nghĩa địa, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp giáp đường đi, phía Bắc giáp nhà ông M.

Ông Lê Đình T được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm: Nhà mái bằng xây gạch côm: diện tích $8,6 \times 4,5 = 38,7\text{m}^2$; Nhà gạch chi: diện tích $13,6 \times 4,5 = 61,2\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2012 diện tích $(8,8 \times 13,6) \times 1,7 = 37,74\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2014 diện tích $6 \times 7,8 = 46,8\text{m}^2$; Bể nước: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 2 \times 0,15 \times 2 = 4,08\text{m}^3$; Bể nước nhỏ: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 0,15 \times 1,2 = 1,58\text{m}^3$.

Ông M được quyền sử dụng 227,3m² đất, trong đó 50m² đất ở và 177,3 m² đất vườn, một mặt dài 24,9m, một dài 31,0m, rộng 4,1m + 6,1m, trị giá 17.287.100 đồng. Phía Đông giáp nghĩa địa, phía Tây giáp đường liên thôn, phía Nam giáp nhà ông T, phía Bắc giáp nhà ông H.

Ông D được hưởng phần thừa kế trị giá 12.059.334 đồng. Bà L được hưởng phần thừa kế trị giá 12.059.334 đồng. Ông C, ông H, ông T, ông M có nghĩa vụ phải trả tiền chênh lệch so với trị giá đất được chia cho ông D, bà L.

[6] Về chi phí thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp và định giá tài sản ông Lê Đình C đã tự nguyện nộp và không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo giá ngạch phần tài sản mình được chia theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 157, 165, 229, 271, 273 bộ luật tố tụng dân sự. Điều 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 100 Luật Đất đai. Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Lê Đình C) đối với bị đơn (ông Lê Đình H) về việc chia di sản thừa kế.

- Không chấp nhận văn bản viết giấy chuyển nhượng đất ngày 09/8/2008.

Chia cho ông C được quyền sử dụng 80m² đất, trong đó 50m² đất ở và 30m² đất vườn, trị giá 13.310.000 đồng. Phía Đông 4,5m giáp nghĩa địa, phía Tây 4,5m giáp đường liên thôn, phía Nam 17,7m giáp nhà ông H, phía Bắc 17,7m giáp nghĩa địa.

Chia cho ông H được quyền sử dụng 390,9m² đất, trong đó 50m² đất ở và 340,9m² đất vườn, trị giá 21.704.300 đồng. Phía Đông 4,1m + 3,4m giáp nghĩa địa, phía Tây 11,5m giáp đường liên thôn, phía Nam 31m giáp nhà ông M, phía Bắc 31,5m giáp nhà ông C. Và tạm giao 389,8m² thửa đất 170 tờ bản đồ số 06 đất khai hoang từ đất nghĩa địa liền kề cho ông Lê Đình H quản lý.

Ông H được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 Nhà mái bằng xây năm 1998, diện tích $9,5 \times 6 = 57\text{m}^2$; bán bình lợp tôn $(9,5 \times 4,8) + (6,5 \times 3,7) = 103,85\text{m}^2$ đã hết hạn sử dụng; Nhà bếp: diện tích $4,4 \times 4,8 = 21,12\text{m}^2$; Nhà tắm: diện tích $2 \times 3 = 6\text{m}^2$; Chuồng trại 1 gạch côm: diện tích $2,5 \times 11,6 = 29\text{m}^2$; Chuồng trại 2: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Chuồng trại 3: diện tích $12 \times 4 = 48\text{m}^2$; Sân láng xi măng.

Chia cho ông T được quyền sử dụng 329,8m² đất, trong đó 50m² đất ở và 279,8m² đất vườn, trị giá 20.054.600 đồng. Phía Đông 14,3m giáp nghĩa địa, phía Tây 12,6m giáp đường liên thôn, phía Nam 24,2m giáp đường đi, phía Bắc 24,9m giáp nhà ông M.

Ông Lê Đình T được quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm: Nhà mái bằng xây gạch côm: diện tích $8,6 \times 4,5 = 38,7\text{m}^2$; Nhà gạch chi: diện tích $13,6 \times 4,5 = 61,2\text{m}^2$; Bán bình xây năm 2012 diện tích $(8,8 \times 13,6) \times 1,7 = 37,74\text{m}^2$; Bán

bình xây năm 2014 diện tích $6 \times 7,8 = 46,8\text{m}^2$; Bể nước: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 2 \times 0,15 \times 2 = 4,08\text{m}^3$; Bể nước nhỏ: diện tích $(1,9 + 2,5) \times 0,15 \times 1,2 = 1,58\text{m}^3$

Chia cho ông M được quyền sử dụng $227,3\text{m}^2$ đất, trong đó 50m^2 đất ở và $177,3\text{m}^2$ đất vườn, trị giá 17.287.100 đồng. Phía Đông $4,1\text{m} + 6,1\text{m}$ giáp nghĩa địa, phía Tây $8,6\text{m}$ giáp đường liên thôn, phía Nam $24,9\text{m}$ giáp nhà ông T, phía Bắc $31,0\text{m}$ giáp nhà ông H.

Ông D được hưởng phần thừa kế trị giá 12.059.334 đồng.

Bà L được hưởng phần thừa kế trị giá 12.059.334 đồng.

Ông C, ông H, ông T, ông M có nghĩa vụ phải trả tiền chênh lệch so với trị giá đất được chia cho ông D, bà L.

Cụ thể:

Ông Lê Đình C phải trả cho ông Lê Đình D số tiền là 1.250.667 đồng.

Ông Lê Đình H phải trả cho ông Lê Đình D số tiền là 9.644.967 đồng.

Ông Lê Đình T phải trả cho ông Lê Đình D số tiền 1.163.700 đồng và cho bà Lê Thị L là 6.831.567 đồng.

Ông Lê Đình M phải trả cho bà Lê Thị L là 5.227.767 đồng.

Ông C, ông H, ông T, ông M có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kế.

Về án phí: Ông H, ông C, ông D, bà L, ông M, ông T mỗi người phải chịu 602.800 đồng (sáu trăm lẻ hai nghìn tám trăm đồng) án phí DSST. Ông C được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/20161232 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Quảng xương, tỉnh Thanh Hóa. Ông C được nhận lại 397.200 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q
- Chi cục Thi hành án Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Trịnh Thị Hà

